TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2017
"V/v Tranh chấp ly hôn
Và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Tú Phương.**
2. Bà **Ngô Thị Như Ý.**

Thư ký Tòa án: Ông **Ngô Văn Trường -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2016/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2016, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Y.Ng** – sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp L, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ng đơn: Luật sư **Ng** thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Hứa Q.H** - sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp L, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Tr** thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Dương V.A** – sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp A, xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chị **Phùng Thị Y.Nh** - sinh năm 1984; Địa chỉ: khu phố K, thị trấn , thành phố Hồ Chí Minh.

Anh **Tô Kh.Tr** - sinh năm 1970. Chị **Dương Ngọc Ph** - sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp L, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ: đường Tr, phường P, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đặng Thị B.Tr** - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Bạc Liêu.

Chị Ng và anh H có mặt, chị Nh, ông Dương V.A, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, anh Tr và chị Ph vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Ng đơn chị Phùng Thị Y.Ng trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh H tự nguyện sống chung như vợ chồng vào tháng 12 năm 2006 và có đăng ký kết hôn, do đời sống chung không hạnh phúc nên chị Ng và anh H ly thân từ tháng 7 năm 2013 cho đến nay, hiện tại chị Ng và anh H không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị Ng yêu cầu được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị Ng và anh H có một người con chung tên Hứa Th.H, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2008, hiện tại cháu H đang sống chung anh H. Chị Ng đồng ý giao cháu H cho anh H tiếp tục nuôi.

- Về tài sản: Chị Ng và anh H có tài sản chung như Một căn nhà gắn liền với đất tọa lạ ấp L, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Giá trị đất lúc mua là 120.000.000đ, giá trị căn nhà lúc cất là 580.000.000đ. Nhà và đất hiện nay có giá trị là 570.000.000đ.

+ Một chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Air Blade biển số kiểm soát là 94R1-7741 do anh H đứng tên giá trị hiện tại còn 16.000.000đ.

+ Một tủ lạnh lúc mua có giá 13.000.000đ; Một salon gỗ lúc mua có giá 23.000.000đ; Một bàn ăn bằng gỗ lúc mua có giá 19.000.000đ; Một kệ tivi lúc mua có là 7.000.000đ; Một dàn Karaoke lúc mua có 12.000.000đ và một ti vi lúc mua có giá là 8.000.000đ. Tổng giá trị lúc mua là 82.000.000đ nhưng đã sử dụng khoảng 02 năm thì giá hiện tại chỉ còn khoảng 65.000.000đ. Chị Ng yêu cầu chia đôi các tài sản chung nêu trên với anh H.

Ngoài ra, chị Ng và anh H còn các tài sản như: Số tiền hốt hụi được 60.000.000đ của N, dùng để trả anh Tr 10.000.000đ, mua bếp gass 3.500.000đ, máy nước nóng 3.500.000đ, tủ quần áo 2.000.000đ, tủ thần tài và tượng thờ cúng

7.000.000đ, hai chiếc niệm 5.000.000đ, kệ rửa chén 1.000.000đ, mái che tiền chế trước nhà 9.000.000đ, mua cây bông giấy 3.500.000đ. Tổng cộng 44.500.000đ còn lại 15.500.000đ chi tiêu trong gia đình hết. Chị Ng không yêu cầu chia đối với các tài sản này trừ mái che tiền chế được xác định gắn liền với căn nhà.

- Về nợ: Chị Ng xác định chị Ng có vay của ông Dương V.A số tiền 450.000.000đ, vay của chị Nh 79.000.000đ để cất nhà và vay Ngân hàng 100.000.000đ để mua sắm tài sản trong gia đình, nợ ông Kh.Tr và bà Ph tiền vật tư cất nhà là 34.558.600đ. Chị Ng yêu cầu chia đôi nợ chung với anh H.

**** Bị đơn anh Hứa Q.H trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh H thống nhất trình bày của chị Ng và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ng.

- Về con chung: Anh H thống nhất với trình bày của chị Ng, anh H đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh H xác định chị Ng và anh H có tài sản chung như chị Ng trình bày. Đồng ý chia đôi tài sản chung là nhà gắn liền với đất, xe, tủ lạnh, salon gỗ, bàn ăn bằng gỗ, kệ tivi, dàn Karaoke, và một ti vi.

- Thống nhất chị Ng đã dùng tiền hốt hụi được 60.000.000đ của chị N để trả anh Kh.Tr 10.000.000đ, mua bếp gass 3.500.000đ, máy nước nóng 3.500.000đ, tủ quần áo 2.000.000đ, tủ thần tài và tượng thờ cúng 7.000.000đ, hai chiếc niệm 5.000.000đ, kệ rửa chén 1.000.000đ, mái che tiền chế trước nhà 9.000.000đ, mua cây bông giấy 3.500.000đ. Tổng cộng 44.500.000đ còn lại 15.500.000đ chi tiêu trong gia đình hết. Anh H không yêu cầu chia đối với các tài sản này mà giao cho chị Ng sở hữu, trừ mái che tiền chế được xác định gắn liền với căn nhà.

- Về nợ: Anh H chỉ thừa nhận anh và chị Ng nợ ông Tô Kh.Tr và bà Dương Ngọc Ph số tiền 34.558.600đ, không thừa nhận ba khoảng nợ còn lại.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

- Ông Dương V.A có yêu cầu độc lập và xác định: Ông A có cho chị Ng vay số tiền 450.000.000đ để chị Ng và anh H cất nhà ở. Nay anh H và chị Ng ly hôn, ông Dương V.A yêu cầu anh H và chị Ng phải trả cho ông Dương V.A số tiền 450.000.000đ.

- Chị Phùng Thị Y.Nh có yêu cầu độc lập và xác định: Chị Nh có cho anh H và chị Ng vay số tiền 79.000.000đ để cất nhà ở. Nay anh H và chị Ng ly hôn, chị Nh yêu cầu anh H và chị Ng phải trả cho chị Nh số tiền 79.000.000đ.

- Anh Tô Kh.Tr có yêu cầu độc lập và xác định: Chị Ng và anh H còn nợ anh Tr và vợ anh là chị Ph số tiền vật tư xây dựng là 34.558.600đ. Anh Tr đồng ý việc anh H và chị Ng thỏa thuận mỗi người trả 1/2 nợ.

- Chị Ph thống nhất với yêu cầu và trình bày của anh Tr.

- Ngân hàng không có yêu cầu độc lập: Tại bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2016, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định ngày 27 tháng 11 năm 2015 chị Ng ký hợp đồng tín dụng số 41415/BL-HĐTD vay tại Ngân hàng số tiền vay là 100.000.000đ, mục đích vay là mua sắm vật dụng gia đình. Tính đến ngày 25 tháng 7 năm 2016 chị Ng còn nợ gốc tại Ngân hàng số tiền nợ gốc là 85.370.000đ và lãi suất 527.160đ. Yêu cầu chị Phùng Thị Y.Ng trả nợ gốc còn lại và lãi suất phát sinh như đã ký kết với Ngân hàng.

*** Tại phiên tòa:**

- Chị Ng và anh H thuận tình ly hôn, giao con chung cho anh H nuôi, thống nhất giá đất lúc mua là 120.000.000đ, giá nhà lúc cất là 580.000.000đ, nhà và đất hiện nay có giá là 570.000.000đ, đồng ý chia tài sản chung, giao chị Ng nhà, đất và xe và giao cho chị Ng các tài sản khác như: tủ lạnh, salon gỗ, bàn ăn bằng gỗ, kệ tivi, dàn Karaoke, và một ti vi (Tổng giá trị là 65.000.000đ) chị Ng phải hoàn 1/2 giá trị tài sản chung cho anh H là 325.500.000đ. Thống nhất không yêu cầu giải quyết đối với bếp gass, máy nước nóng, tủ quần áo, tủ thần tài và tượng thờ cúng, hai chiếc niệm, kệ rửa chén, cây bông giấy.

- Thống nhất chị Ng là người trực tiếp chi tiền cất nhà và mua sắm trong gia đình.

- Thống nhất nợ chung anh Tr và chị Ph là 34.558.600đ.

- Tranh chấp nợ riêng ông Dương V.A 450.000.000đ, chị Nh 79.000.000đ và nợ Ngân hàng.

- Tranh chấp về nguồn tiền cất nhà và mua sắm tài sản: Chị Ng xác định tiền cất nhà và mua sắm tài sản là do chị Ng vay của ông Anh 450.000.000đ, vay chị Nh 79.000.000đ, vay Ngân hàng 100.000.000đ và tiền hụi 60.000.000đ. Anh H xác định nguồn tiền có từ lương của chị Ng, anh H, tiền hốt hụi, tiền thưởng.

- Ngân hàng nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và xác định hiện tại chị Ng còn nợ gốc tại Ngân hàng là 56.110.000đ.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ng và anh H.

+ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Ng và anh H giao cháu H cho anh H tiếp tục nuôi.

+ Về tài sản chung: Chị Ng đồng ý nhận căn nhà gắn liền với đất, nhận xe, một tủ lạnh, một salon gỗ, một bàn ăn bằng gỗ, một kệ tivi, một dàn Karaoke, một ti vi tổng trị giá 651.000.000đ và giao 1/2 giá trị cho anh H là 325.500.000đ.

+ Về nợ: Buộc chị Ng trả cho Ngân hàng nợ gốc 56.110.000đ và lãi suất phát sinh, trả anh Tr và chị Ph 17.279.300đ và trả ông Dương V.A 236.445.000đ. Buộc anh H trả ông Dương V.A số tiền 213.555.000đ, trả chị Nh 79.000.000đ và trả cho anh Tr, chị Ph 17.279.300đ.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Chị Ng và anh H thuận tình ly hôn.

- Giao con chung là cháu H cho anh H nuôi, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung gồm:

+ Nhà và đất tọa lạc ấp L, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Trị giá đất lúc mua là 120.000.000đ, trị giá nhà lúc cất là 580.000.000đ. Trị giá nhà và đất hiện tại là 570.000.000đ.

+ Một chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Air Blade là do anh H đứng tên, giá trị hiện tại còn 16.000.000đ.

+ Một tủ lạnh lúc mua có giá 13.000.000đ; Một salon gỗ lúc mua có giá 23.000.000đ; Một bàn ăn bằng gỗ lúc mua có giá 19.000.000đ; Một kệ tivi lúc mua có là 7.000.000đ; Một dàn Karaoke lúc mua có 12.000.000đ và một ti vi lúc mua có giá là 8.000.000đ. Tổng giá trị lúc mua là 82.000.000đ nhưng đã sử dựng khoảng 02 năm thì giá hiện tại chỉ còn khoảng 65.000.000đ.

+ Tài sản khác: Bếp gass 3.500.000đ, máy nước nóng 3.500.000đ, tủ quần áo 2.000.000đ, tủ thần tài và tượng thờ cúng 7.000.000đ, hai chiếc niệm 5.000.000đ, kệ rửa chén 1.000.000đ, mái che tiền chế trước nhà 9.000.000đ, mua cây bông giấy 3.500.000đ (Mua trong số tiền 60.000.000đ hốt hụi).

+ Trả nợ Doanh nghiệp Khánh Tôn 10.000.000đ (Trong số tiền 60.000.000đ hốt hụi).

+ Dùng 15.500.000đ còn lại trong số tiền 60.000.000đ hốt hụi chi tiêu trong gia đình hết.

- Về nợ:

+ Nợ chung ông Tr và bà Ph tiền vật tư cất nhà là 34.558.600đ.

+ Tranh chấp nợ ông Dương V.A số tiền 450.000.000đ, chị Nh 79.000.000đ và nợ Ngân hàng 56.110.000đ.

- Thống nhất chị Ng là người trực tiếp chi tiền cất nhà và mua sắm tài sản trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị Phùng Thị Y.Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hứa Q.H, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do ông Anh, chị Nh, chị Ph và anh Tr có đơn yêu cầu được vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nh, ông Anh, đại diện Ngân hàng, chị Ph và anh Tr trong vụ án này.

[3] Về hôn nhân: Chị Ng và anh H tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nên khi chị Ng yêu cầu ly hôn và anh H đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ng và anh H.

[4] Về con chung: Chị Ng và anh H có một con chung là Hứa Th.H sinh ngày 15/01/2008. Chị Ng và anh H thỏa thuận giao con chung cho anh H nuôi, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của chị Ng và anh H không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện Vọng của cháu H, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nguồn tiền hình thành tài sản:

- Chị Ng và anh H khai thống nhất mọi chi tiêu trong gia đình đều do chị Ng trực tiếp chi, mọi chi tiêu trong việc cất nhà và mua sắm tài sản trong gia đình cũng do chị Ng chi. Đây là sự tự thừa nhận của các đương sự, là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ giải quyết án.

- Chị Ng và anh H thống nhất giá đất lúc mua là 120.000.000đ, giá nhà lúc cất là 580.000.000đ, thống nhất giá nhà và đất hiện nay là 570.000.000đ việc chị Ng và anh H thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận này của chị Ng và anh H.

- Nguồn tiền xây dựng nhà và mua sắm tài sản trong gia đình: Anh H xác định nguồn tiền dùng cất nhà là tiền lương của chị Ng và anh H dành dụm do chị Ng quản lý, tiền hốt hụi của Chúc Ni 108.360.000đ. Trong số tiền hốt hụi này chị Ng trực tiếp nhận tiền hụi hai lần là 13.800.000đ và 12.850.000đ, còn lại anh H nhận số tiền 71.710.000đ (19.870.000đ, 19.900.000đ, 18.700.000đ và 23.240.000đ). Số tiền anh H hốt hụi được đều giao cho chị Ng quản lý, trong thời gian cất nhà bị mất trộm 80.000.000đ, nên cha anh H có cho 80.000.000đ bù vào chi phí cất nhà. Chị Ng chỉ thừa nhận việc có mất trộm 80.000.000đ và cha anh H cho 80.000.000đ để bù vào

chi phí cất nhà, thừa nhận có quản lý số tiền hốt hụi là 60.000.000đ (Trong đó, chị Ng nhận trực tiếp từ chủ hụi hai lần là 13.800.000đ và 12.850.000đ, còn lại anh H đưa 33.350.000đ), xác định chị Ng không tiết kiệm được khoản tiền nào từ lương của chị và anh H cũng không có đưa tiền lương của anh H cho chị Ng. Do anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình và chị Ng cũng không thừa nhận lời trình bày của anh H, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của anh H.

- Anh H và chị Ng trình bày thống nhất mọi chi tiêu từ cất nhà và mua sắm đồ dùng trong nhà là do chị Ng trực tiếp chi, chị Ng xác định nguồn tiền chi cất nhà và mua sắm đồ dùng là do vay của Dương V.A 450.000.000đ, vay của Yến Nh 79.000.000đ và vay của Ngân hàng 100.000.000đ, tiền hốt hụi 60.000.000đ. Tổng số tiền là 689.000.000đ. Đối chiếu với chi phí cất nhà và mua sắm tài sản mà chị Ng và anh H trình bày thì khoảng chi phí này hoàn toàn phù hợp.

[6] Về phân chia tài sản: Chị Ng đồng ý nhận căn nhà gắn liền với đất, nhận xe, một tủ lạnh, một salon gỗ, một bàn ăn bằng gỗ, một kệ tivi, một dàn Karaoke, một ti vi tổng trị giá 651.000.000đ và giao 1/2 giá trị cho anh H là 325.500.000đ.

Do chị Ng và anh H không yêu cầu chia đối với các tài sản như: Bếp gass, máy nước nóng, tủ quần áo, tủ thần tài và tượng thờ cúng, hai chiếc niệm và kệ rửa chén mà giao cho chị Ng được toàn quyền sở hữu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ:

- Anh H thừa nhận căn nhà và các tài sản khác là tài sản chung, thì phải chịu nợ chung với chị Ng, vì căn nhà và tài sản được hình thành từ nợ của ông A, chị Nh và Ngân hàng. Do đó, anh H ngoài việc được hưởng tài sản chung còn phải chịu 1/2 nợ với chị Ng.

- Tuy nhiên, đối với nợ Ngân hàng được chị Ng vay tín chấp để trả bằng lương của chị Ng hàng tháng, để đảm bảo việc thu hồi nợ của Ngân hàng nên buộc chị Ng có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng là 56.110.000đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ngoài ra chị Ng còn có nghĩa vụ trả cho chị Ph và anh Tr số tiền 17.279.300đ và trả ông Dương V.A 236.445.000đ.

- Anh H có nghĩa vụ trả ông Dương V.A số tiền 213.555.000đ, trả chị Nh 79.000.000đ và trả cho anh Tr, chị Ph 17.279.300đ.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm chị Ng phải chịu.

- Tổng giá trị tài sản của chị Ng và anh H là 651.000.000đ trừ đi nghĩa vụ trả nợ là 619.668.600đ, tài sản còn lại chị Ng và anh H được hưởng 1/2 số tiền 31.331.400đ là 15.665.700đ. Do đó, chị Ng và anh H mỗi người phải chịu án phí tài sản được hưởng là 783.000đ.

- Án phí đối với nghĩa vụ trả nợ: Chị Ng và anh H mỗi người có nghĩa vụ trả nợ là 309.834.300đ nên phải chịu án phí số tiền là 15.491.000đ.

- Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

[10] Về chi phí tố tụng: Anh H nộp 1.000.000đ, chi hết 900.000đ, anh H được nhận lại 100.000đ. Buộc chị Ng hoàn trả cho anh H 450.000đ.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 9, 29, 33, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Y.Ng và anh Hứa Q.H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hứa Th.H, sinh ngày 15/01/2008 cho anh H tiếp tục nuôi, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Ng và anh H có tài sản chung là căn nhà gắn liền với đất có giá 570.000.000đ, 01 chiếc xe Air Blade có giá 16.000.000đ; Một tủ lạnh, một salon gỗ, một bàn ăn bằng gỗ, một kệ tivi, một dàn Karaoke, một ti vi có giá

65.000.000đ. Tổng giá trị tài sản chung của chị Ng và anh H là 651.000.000đ. Chia cho chị Ng và anh H mỗi người được hưởng 1/2 tài sản chung.

3.1/ Giao cho chị Ng được hưởng các tài sản sau:

- Diện tích đất theo quyền sử dụng đất 180,9m^2, diện tích theo đo đạc thực tế là 181,4m^2 thuộc thửa số 22 tờ bản đồ số 58, tọa lạc tại ấp L, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

+ Hướng đông giáp đất ông Hồ có cạnh = 18,3m;

+ Hướng tây giáp đất anh Lộc có cạnh = 18,3m;

+ Hướng nam giáp lộ có cạnh = 10,05m;

+ Hướng bắc giáp kinh xáng Phụng Hiệp Cà Mau có cạnh 9,8m.

- Căn nhà trên diện tích đất 181,4m^2 thuộc thửa số 22 tờ bản đồ số 58. Kết cấu căn nhà: Khung và cột bằng bê tông cốt thép, vách xây tường, mái lợp tol sóng vuông, nền lát gạch bông, trần đóng la phong bằng thạch cao. Gắn liền căn nhà là mái che khung săt hộp, mái tol sóng vuông, hàng rào bê tông cốt thép, khung và cột gắn thẻ lam bằng bê tông cốt thép. Chị Ng đang quản lý nhà và đất nên được tiếp tục quản lý sử dụng.

- Một chiếc xe nhãn hiệu Air Blade biển số 94R1-7741 do anh H đứng tên.

- Một tủ lạnh, một salon gỗ, một bàn ăn bằng gỗ, một kệ tivi, một dàn Karaoke, một ti vi. Chị Ng đang quản lý các tài sản này, nên chị Ng được tiếp tục quản lý sở hữu.

- Tất cả tài sản này chị Ng đang quản lý, nên được tiếp tục quản lý sở hữu.

3.2/ Về nghĩa vụ hoàn giá trị tài sản: Buộc chị Ng giao cho anh H 1/2 giá trị tài sản là 325.500.000đ.

4. Về nợ chung:

+ Buộc chị Ng trả cho Ngân hàng nợ gốc 56.110.000đ và lãi suất phát sinh, trả anh Tr và chị Ph 17.279.300đ và trả ông Dương V.A 236.445.000đ.

+ Buộc anh H trả ông Dương V.A số tiền 213.555.000đ, trả chị Nh 79.000.000đ và trả cho anh Tr, chị Ph 17.279.300đ.

5. Về án phí:

- Buộc chị Ng phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, án phí đối với tài sản được hưởng là 783.000đ và án đối với nghĩa vụ trả nợ là 15.491.000đ. Chị Ng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002483 ngày 09 tháng 5 năm 2016 và số tiền 9.318.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002616 ngày 05/7/2016, chuyển thu án phí số tiền 9.518.000đ, chị Ng phải nộp thêm số tiền 6.956.000đ.

- Buộc anh H phải chịu án phí đối với tài sản được hưởng là 783.000đ và án đối với nghĩa vụ trả nợ là 15.491.000đ. Anh H đã nộp số tiền 9.062.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002597 ngày 24 tháng 6 năm 2016, chuyển thu án phí số tiền 9.062.000đ, anh H phải nộp thêm số tiền 7.212.000đ.

- Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

+ Ông Dương V.A đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số tiền 11.000.000đ, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002647 ngày 01 tháng 8 năm 2016, nên ông Dương V.A được nhận lại số tiền 11.000.000đ.

+ Chị Phùng Thị Y.Nh đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số tiền 1.975.000đ, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002648 ngày 01 tháng 8 năm 2016, nên chị Nh được nhận lại số tiền 1.975.000đ.

+ Anh Tô Kh.Tr đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số tiền 863.000đ, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002655 ngày 17 tháng 8 năm 2016, nên anh Tr được nhận lại số tiền 863.000đ.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Ng và anh H mỗi người phải chịu 450.000đ. Anh H đã nộp số tiền 1.000.000đ, chi phí xem xét - thẩm định tại chỗ hết 900.000đ, anh H được nhận lại 100.000đ. Buộc chị Ng hoàn trả cho anh H số tiền 450.000đ.

"*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự*".

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- UBND TX G;
- Lưu hồ sơ vụ án.